



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Tập đoàn Hoa Sen

Ngày 31/12/2024	18,450 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.1%	-	-

DT thuần Q4/24
10,222
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 113 1.1%
YoY: ▲ 1,149 12.7%

LN thuần Q4/24
182
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 350 209%
YoY: ▲ 77.0 73.7%

LN sau thuế Q4/24
166
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 347 191%
YoY: ▲ 63.0 60.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
1.9%
YoY: +/-▼ 1.4%

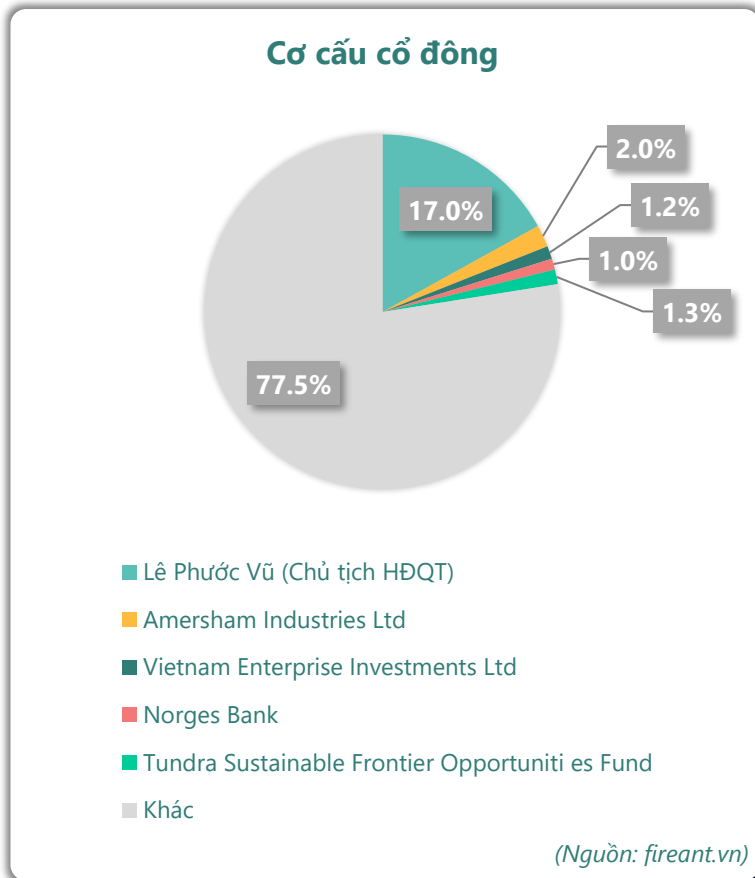
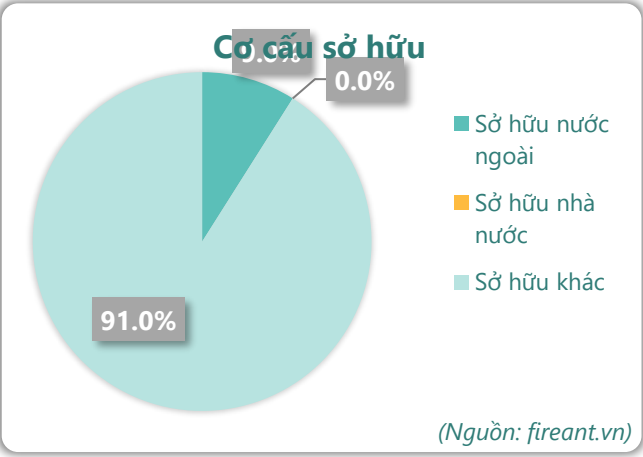
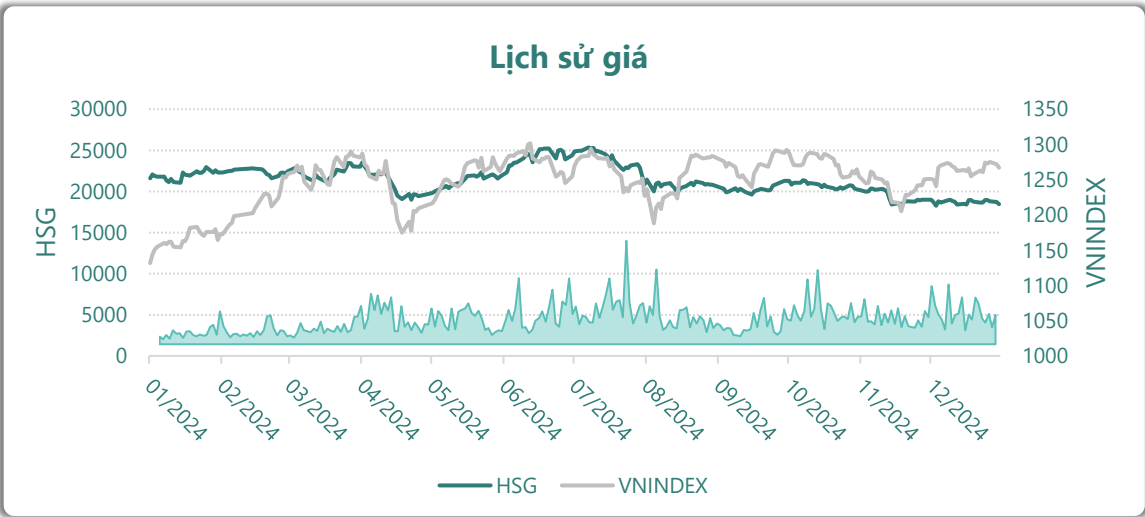
ROE 2024
5.2%
YoY: +/-▼ 2.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	18,250 - 25,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,457
Số lượng CPLH (CP)	620,982,309
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,989,765
Sở hữu nước ngoài	9.0%
Beta	1.60
EPS	929
P/E	19.9

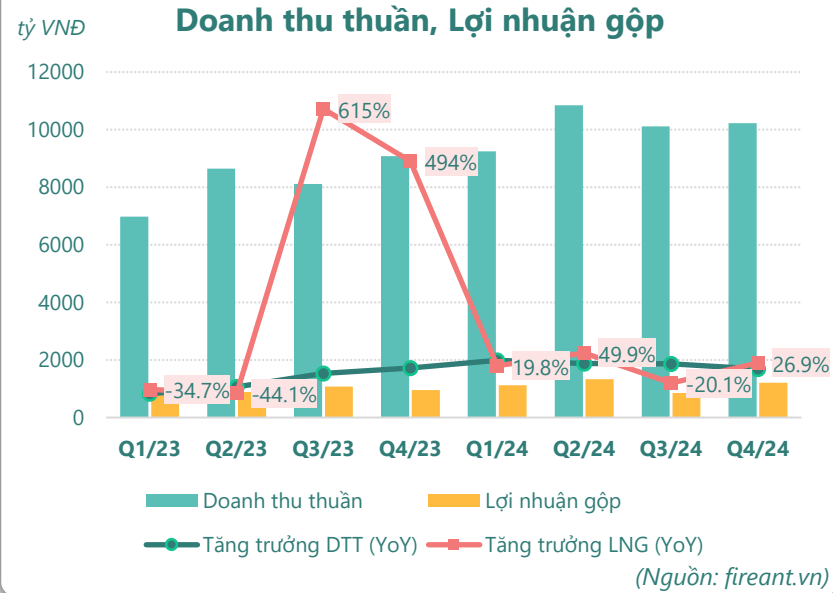
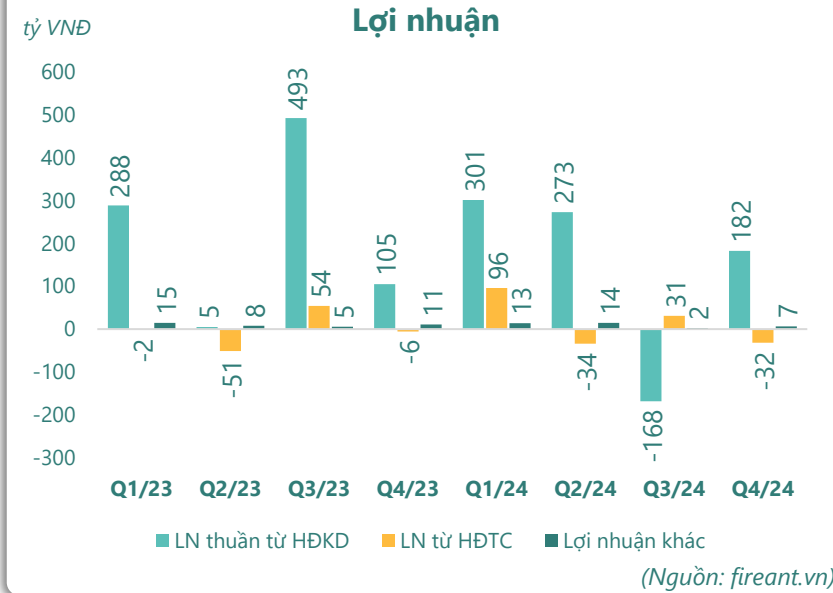
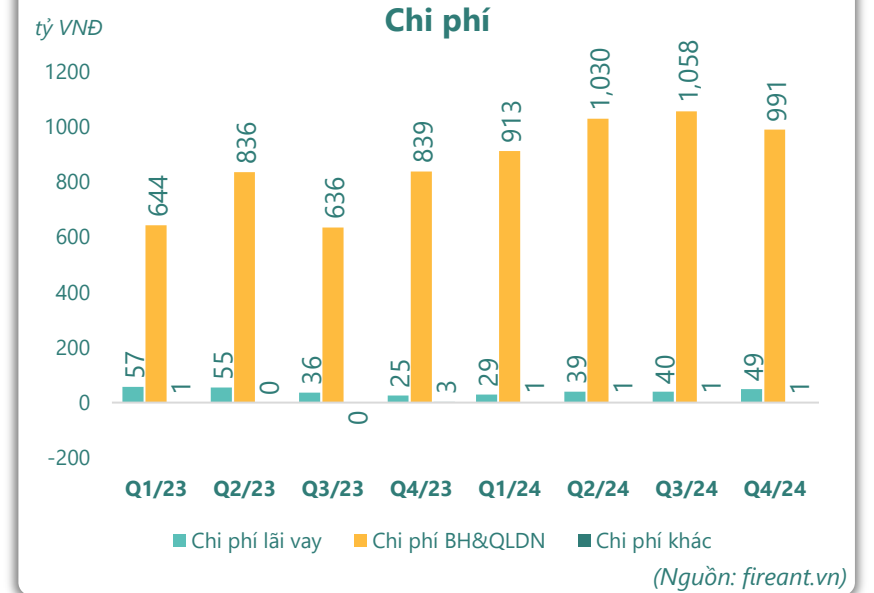
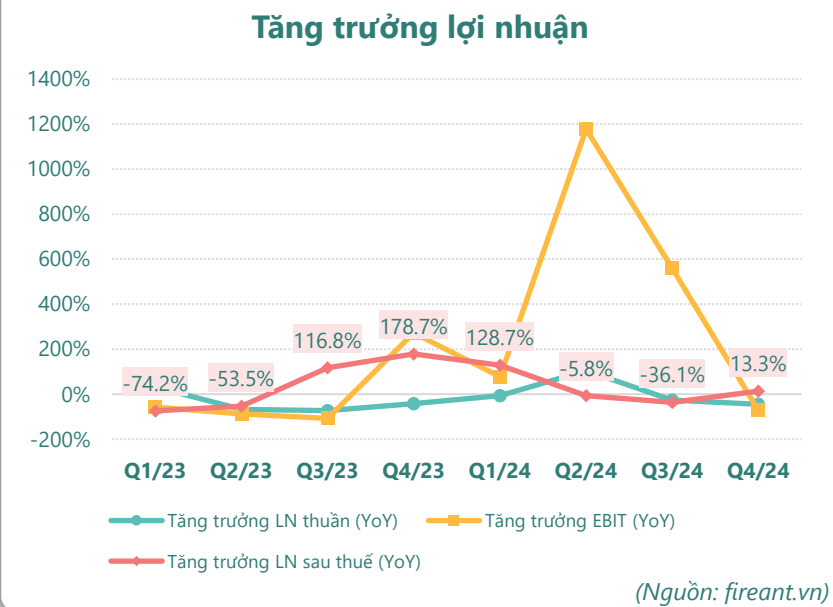
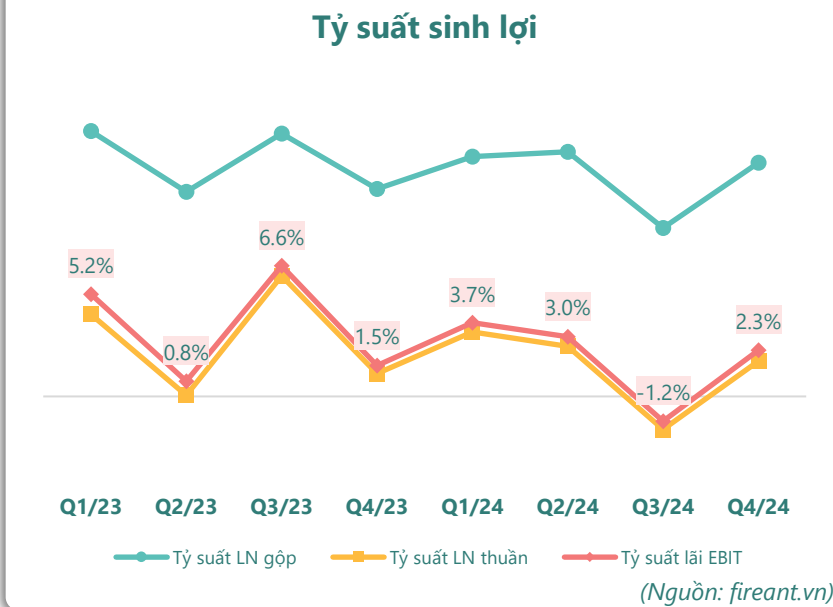
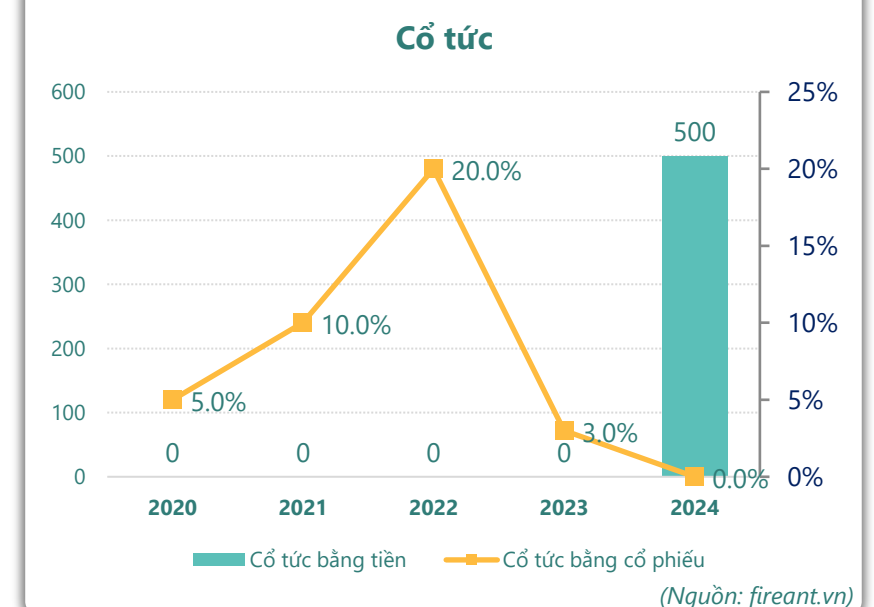
DT thuần 2024
40,420
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7,614 23.2%

LN thuần 2024
588
tỷ VNĐ
YoY: ▼302 -33.9%

LN sau thuế 2024
577
tỷ VNĐ
YoY: ▼237 -29.1%



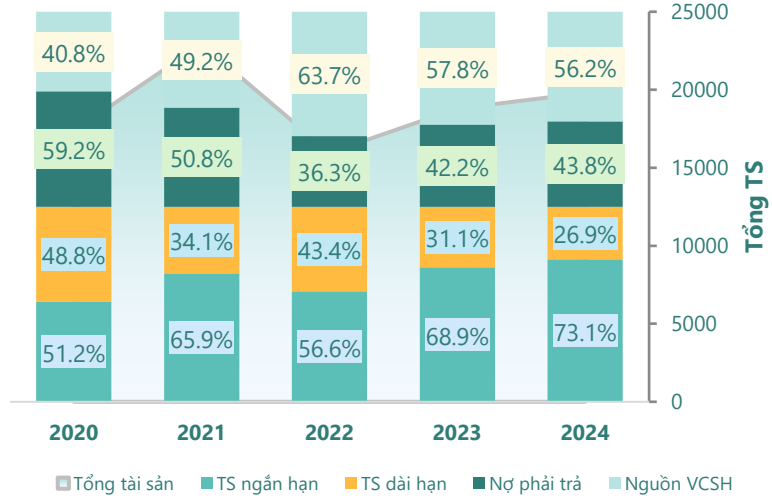
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

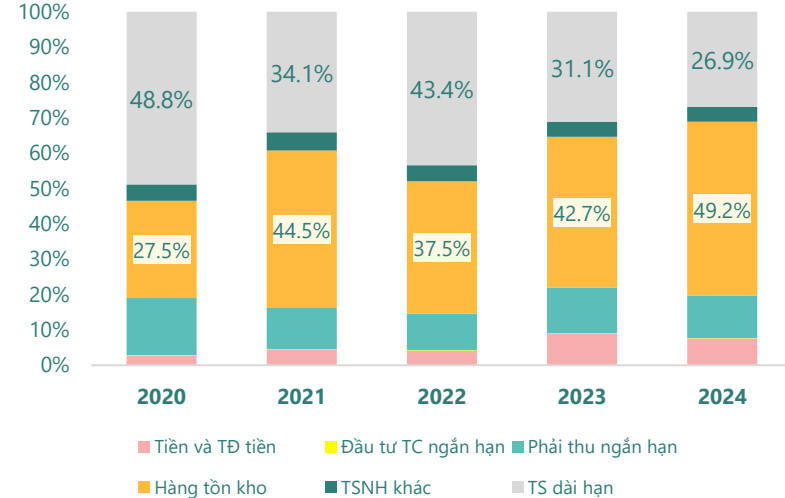
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

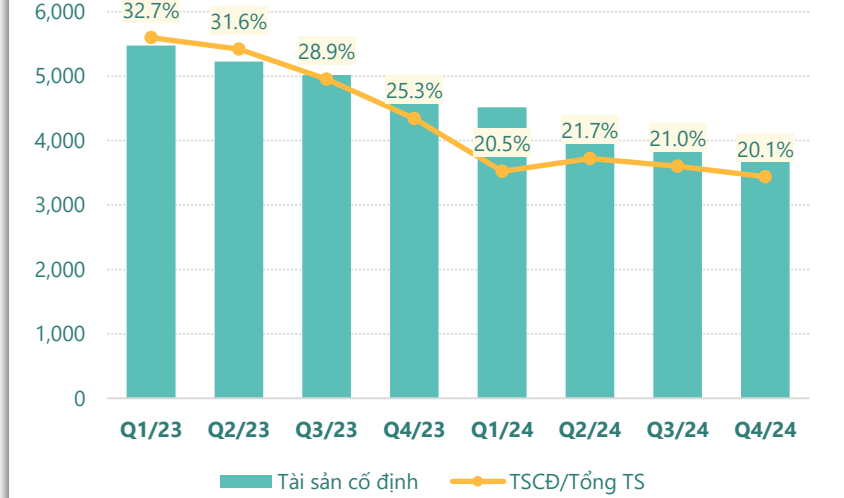
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

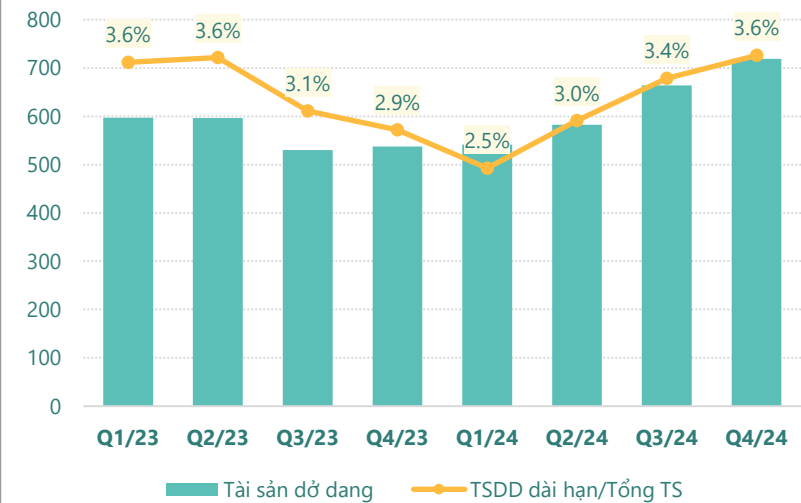
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

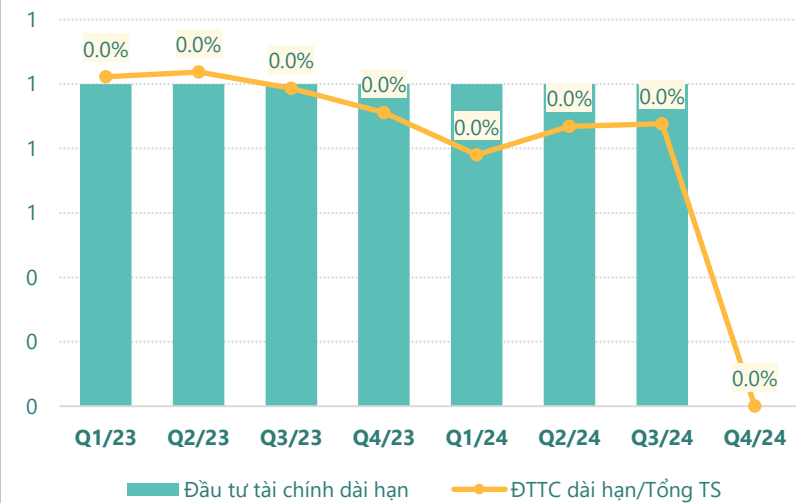
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

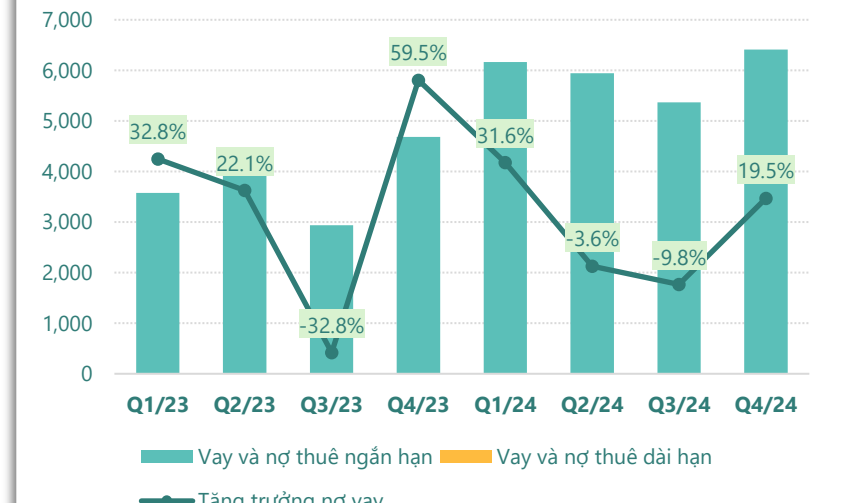
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

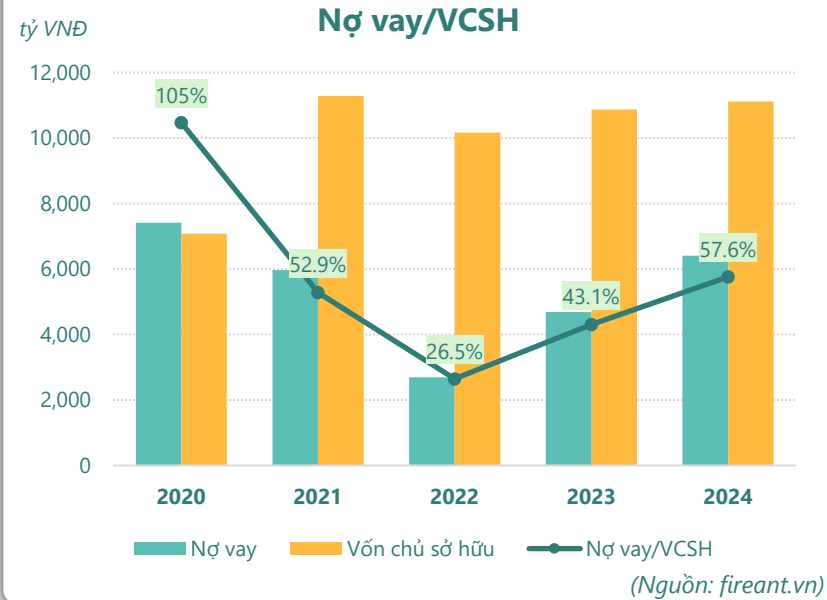
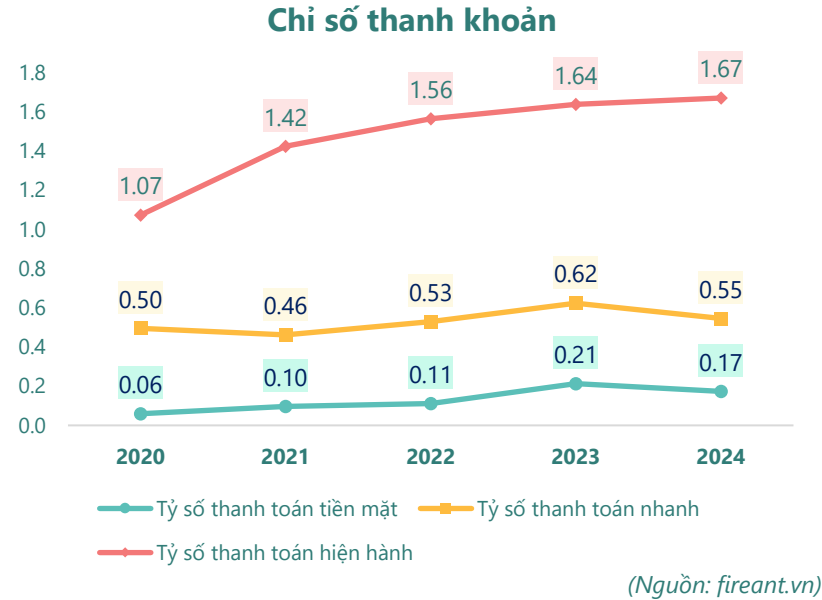
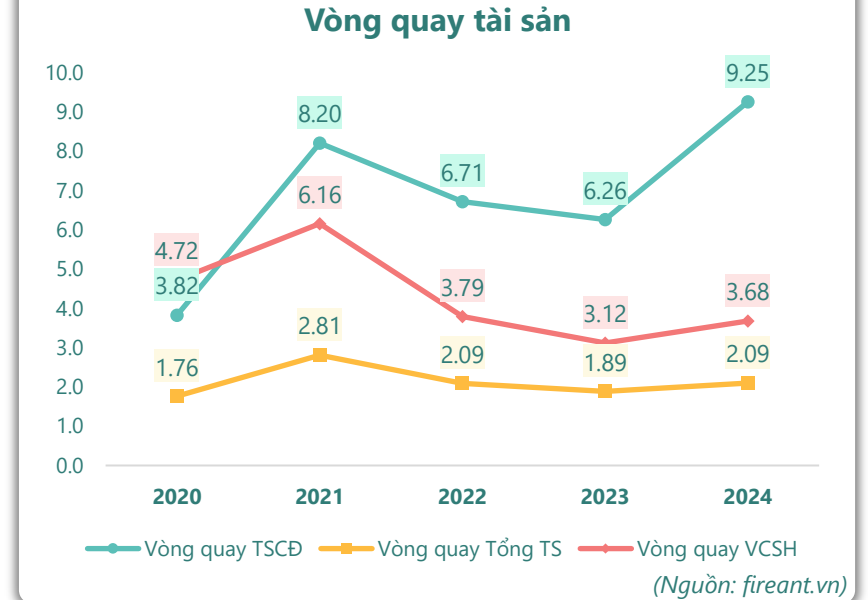
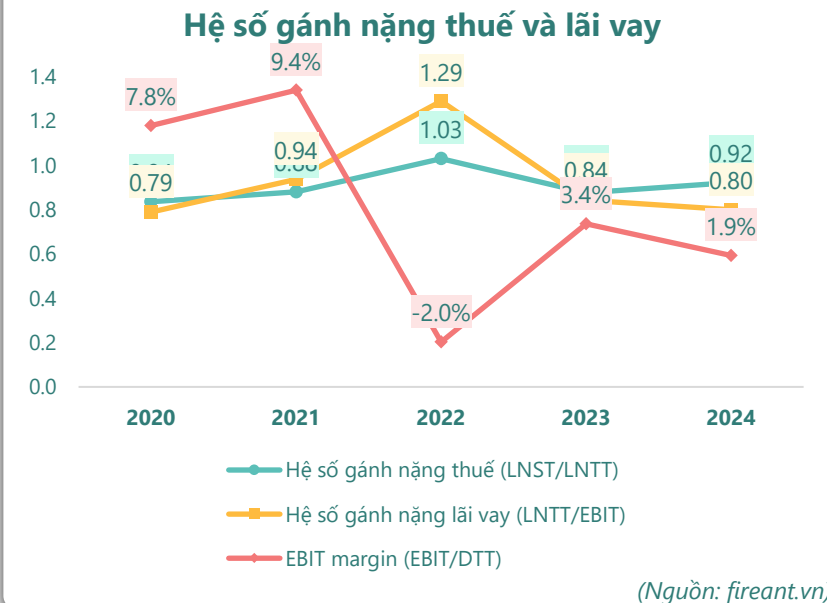
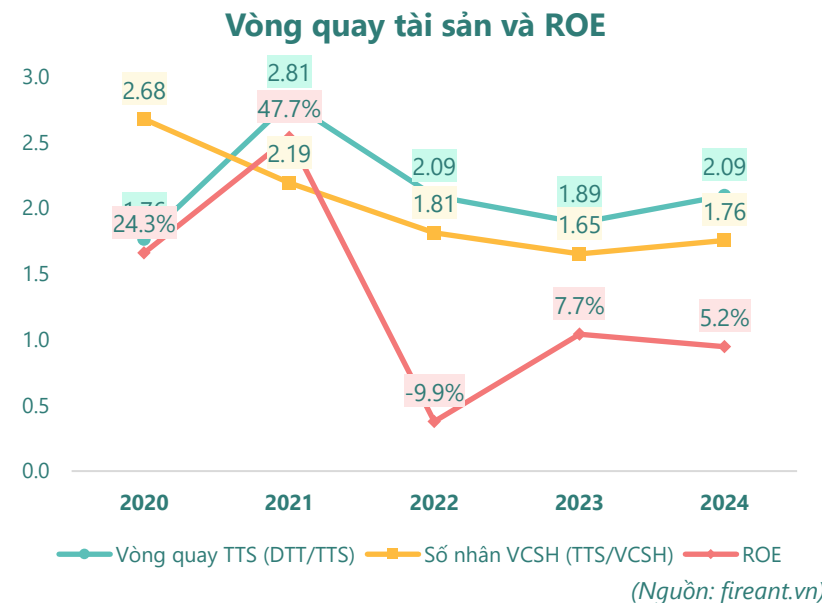
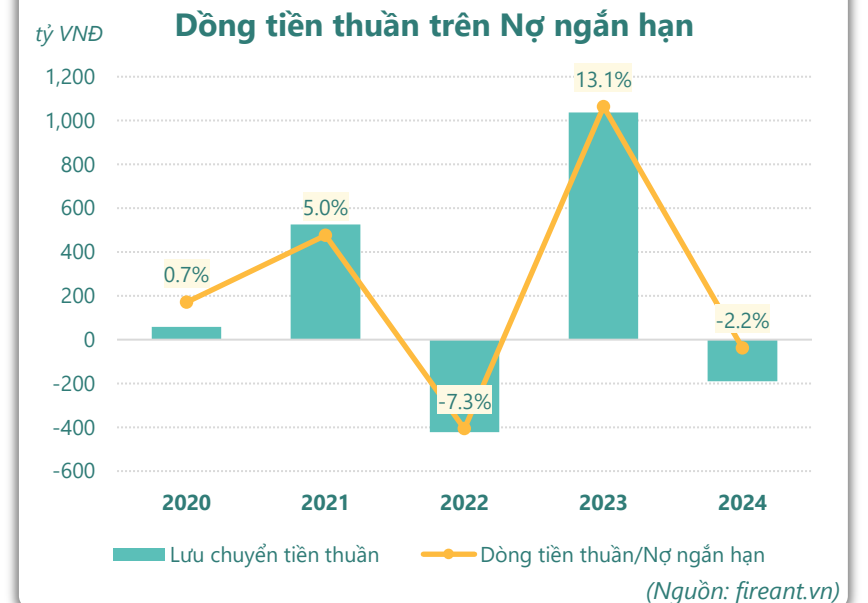
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	10,222	9,073	12.7%	40,420	32,806	23.2%
Giá vốn hàng bán	9,016	8,124	11.0%	35,901	28,956	24.0%
Lợi nhuận gộp	1,205	950	26.9%	4,519	3,850	17.4%
Doanh thu HĐTC	43.4	43.8	-1.0%	341	245	39.2%
Chi phí TC	75.0	49.6	51.1%	280	250	11.9%
Chi phí lãi vay	49.2	25.3	94.5%	157	173	-9.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	849	735	15.4%	3,458	2,543	36.0%
Chi phí QLDN	143	104	37.3%	534	412	29.7%
LN thuần từ HĐKD	182	105	73.7%	588	890	-33.9%
Lợi nhuận khác	6.66	10.6	-37.2%	36.7	38.3	-4.2%
LN trước thuế	189	115	64.4%	625	929	-32.7%
Lợi nhuận sau thuế	166	103	60.7%	577	814	-29.1%
LNST của CĐ cty mẹ	166	103	60.7%	577	814	-29.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,490	-673	-2,739	666	1,331	-20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-174	13.5	-57.2	-34.4	-646	-158
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,434	1,748	1,480	-528	-558	1,074
Tiền đầu kỳ	713	597	1,686	370	473	602
Lưu chuyển tiền thuần	-118	1,089	-1,317	104	128	895
Ảnh hưởng tỷ giá	1.54	0	0.86	-0.86	1.66	0
Tiền cuối kỳ	597	1,686	370	473	602	1,497

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	19,800	18,798	5.3%
Tài sản ngắn hạn	14,472	12,957	11.7%
Tiền và tương đương tiền	1,497	1,686	-11.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.3	24.2	29.5%
Phải thu ngắn hạn	2,360	2,415	-2.3%
Hàng tồn kho	9,749	8,025	21.5%
Tài sản ngắn hạn khác	835	807	3.4%
Tài sản dài hạn	5,328	5,841	-8.8%
Phải thu dài hạn	213	134	59.6%
Tài sản cố định	3,971	4,764	-16.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	719	537	33.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	425	406	4.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,680	7,928	9.5%
Nợ ngắn hạn	8,664	7,912	9.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,410	4,684	36.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,368	2,225	-38.5%
Nợ dài hạn	16.3	16.2	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,120	10,871	2.3%
Vốn chủ sở hữu	11,120	10,871	2.3%
Vốn điều lệ	6,210	6,160	0.8%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

